

DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC ĐƯA VÀO KINH DOANH

(Kèm theo Văn bản số /SXD-QLN&TTBĐS ngày /7/2026 của Sở Xây dựng)

TT	Tên ô đất theo Quy hoạch	Diện tích ô đất (m²)	Tên lô đất theo QH	Mẫu nhà áp dụng	Số lượng căn	Diện tích lô đất (m²)	Số sổ GCN	Ghi chú
I	Biệt thự thương mại				121			
1	BTTM09	1.188,00	1RW12	RDV2A	3	396,00	DA 391727	Không thể chấp
2			1RW12A	RDV2A		396,00		
3			1RW15A	RDV2A		396,00		
4	BTTM-73	2080,00	2ON34	OSD2	7	240,00	CV610773	Đã thế chấp
5			2ON36	OSD2-M		240,00	CV610771	Đã thế chấp
6			2ON38	OSD2		240,00		
7			2ON40	OSD2-M		240,00		
8			2ON42	ODV1		364,00	CV610841	Đã thế chấp
9			2ON46A	ODV1		392,00		
10			2ON46	ODV1-M		364,00		
11	BTTM-74	1440,00	2ON22	OSD2	6	240,00	DA 391242	Không thể chấp
12			2ON24	OSD2-M		240,00		
13			2ON26	OSD2		240,00		
14			2ON28	OSD2-M		240,00		
15			2ON30	OSD2		240,00		
16			2ON32	OSD2-M		240,00		
17	BTTM-75	884,00	2ON16	OSD2	3	260,00	DA 391235	Không thể chấp
18			2ON18	OSD2-M		260,00		
19			2ON20	ODV1		364,00		
20	BTTM-76	520,00	2ON12	GSD1-M	2	260,00	CV610755	Đã thế chấp
21			2ON16A	GSD1		260,00		
22	BTTM-77	1638,00	2ON02	ODV1B	5	390,00	CV610754	Đã thế chấp
23			2ON06A	OSD2		260,00	CV610753	Đã thế chấp
24			2ON06	OSD2-M		260,00		
25			2ON08	ODV1		364,00		
26			2ON10	ODV1		364,00	DA 391235	Không thể chấp
27	BTTM-78	1646,00	2ON35	ODV1-M	4	364,00	CV610773	Đã thế chấp
28			2ON37	ODV1		364,00	CV610775	Đã thế chấp
29			2ON39	ODV2		450,00	CV610841	Đã thế chấp
30			2ON41	ODV2		468,00	CV610776	Đã thế chấp
31	BTTM-79	1980,00	2ON21	ODV1B-M	7	420,00	CV610766	Đã thế chấp
32			2ON23	OSD2-M		260,00		
33			2ON25	OSD2		260,00		
34			2ON27	OSD2-M		260,00	CV610772	Đã thế chấp
35			2ON29	OSD2		260,00		
36			2ON31	OSD2-M		260,00		
37			2ON33	OSD2		260,00		
38	BTTM-80	3334,00	2ON01	ODV2	10	570,00	CV610741	Đã thế chấp
39			2ON03	OSD2-M		260,00	CV610752	Đã thế chấp
40			2ON05	OSD2		260,00	CV610751	Đã thế chấp
41			2ON09A	ODV1		392,00	CV610768	Đã thế chấp
42			2ON09	ODV1		392,00	CV610769	Đã thế chấp
43			2ON11	OSD2-M		260,00		
44			2ON15A	OSD2		260,00	CV610770	Đã thế chấp
45			2ON15	OSD2-M		260,00		
46			2ON19A	OSD2		260,00	CV610765	Đã thế chấp
47			2ON19	ODV1B		420,00		
48	BTTM-81	1233,41	8AV32	LDV1	3	402,42	CV610739	Đã thế chấp
49			8AV34	LDV1		352,14	CV610738	Đã thế chấp
50			8AV36	LDV1		478,85	CV610736	Đã thế chấp

TT	Tên ô đất theo Quy hoạch	Diện tích ô đất (m ²)	Tên lô đất theo QH	Mẫu nhà áp dụng	Số lượng căn	Diện tích lô đất (m ²)	Số sổ GCN	Ghi chú
51	BTTM-82	1291,51	8AV38	LDV1	4	402,62	CV610735	Đã thế chấp
52			8AV40	LSD1-M		216,00	CV610734	Đã thế chấp
53			8AV42	LSD1		216,00	CV610733	Đã thế chấp
54			8AV46A	LDV2-M		456,89	CV610732	Đã thế chấp
55	BTTM83	2.024,00	BLV71	RDV2A	8	414,00	CV610724	Đã thế chấp
56			BLV73	RSD4		230,00	CV610725	Đã thế chấp
57			BLV75	RSD4		230,00	CV610726	Đã thế chấp
58			BLV77	RSD4		207,00	DA 391233	Không thể chấp
59			BLV79	RSD4		207,00		
60			BLV81	RSD4		207,00		
61			BLV83	RSD4		207,00		
62			BLV85	RDV1		322,00		
63	BTTM84	4824,78	91ST01	RSD4	17	231,00	DA 391233	Không thể chấp
64			91ST02	RSD4		198,00		
65			91ST03	RSD4		198,00		
66			91ST05A	RSD4		198,00		
67			91ST05	RDV1A		305,40		
68			91ST06	RDV1A		339,01	CV610723	Đã thế chấp
69			91ST08A	RDV1A		340,31	CV610722	Đã thế chấp
70			91ST08	RDV1A		355,04	CV610718	Đã thế chấp
71			91ST09	RDV2		384,00		
72			91ST10	RSD4		216,00		
73			91ST11	RSD4		216,00		
74			91ST12	RDV1		372,00	CV610717	Đã thế chấp
75			91ST12A	RSD4		216,00		
76			91ST15A	RSD4		207,02		
77			91ST15	RDV1A		340,00		
78			91ST16	RDV1		373,00	DA 391233	Không thể chấp
79			91ST18A	RDV1		336,00		
80	BTTM85	1232	9AV02	RDV2A	4	462,00		
81			9AV06A	RDV1		330,00		
82			9AV06	RSD1		220,00		
83			9AV08	RSD1		220,00		
84	BTTM86	1540	9AV10	RDV1	7	308,00	DA 391233	Không thể chấp
85			9AV12	RSD1		220,00		
86			9AV16A	RSD1		220,00		
87			9AV16	RSD4		198,00		
88			9AV18	RSD4		198,00		
89			9AV20	RSD4		198,00		
90			9AV22	RSD4		198,00		
91	BTTM87	493	9AV24	RDV2	1	493,00	DA 391233	Không thể chấp
92	BTTM88	4213,9	2RW01	RDV2A	17	396,00		
93			2RW03	RDV1		341,88		
94			2RW05	RDV1		308,00		
95			2RW09A	RSD1		220,00		
96			2RW09	RSD1		220,00		
97			2RW11	RSD1		220,00		
98			2RW15A	RSD1		220,00		
99			2RW15	RSD4		198,00		
100			2RW19A	RSD4		198,00		
101			2RW19	RSD4		198,00		
102			2RW21	RSD4		198,00	DA 391233	Không thể chấp
103			2RW23	RSD4		198,00		
104			2RW25	RSD4		198,00		

TT	Tên ô đất theo Quy hoạch	Diện tích ô đất (m ²)	Tên lô đất theo QH	Mẫu nhà áp dụng	Số lượng căn	Diện tích lô đất (m ²)	Số sổ GCN	Ghi chú
105			2RW27	RSD4		198,00	DA 391724	Không thể chấp
106			2RW29	RSD4		198,00		
107			2RW31	RDV1		308,00		
108			2RW33	RDV2A		396,00		
109	BTTM89	4979,00	2RW02	RDV2	13	468,00	DA 391233	Không thể chấp
110			2RW06A	RDV1		390,00		
111			2RW06	RDV1		390,00		
112			2RW08	RDV1		377,00		
113			2RW10	RDV1		364,00		
114			2RW12	RSD1		260,00		
115			2RW16A	RSD1		260,00		
116			2RW16	RDV2B		390,00		
117			2RW18	RDV2B		390,00		
118			2RW20	RDV2B		390,00		
119			2RW22	RDV2B		416,00	DA 391724	Không thể chấp
120			2RW24	RDV2		416,00		
121			2RW26	RDV2		468,00		
II	Nhà liên kế có sân vườn				16			
1	LKTM13	494,22	92ST06	RSH5	6	109,22	DA 391727	Không thể chấp
2			92ST05	RSH1		70,00		
3			92ST05A	RSH1		70,00		
4			92ST03	RSH1		70,00		
5			92ST02	RSH1		70,00		
6			92ST01	RSH5		105,00		
7	LKTM14	766,22	9AV46A	RSH6	10	101,22		
8			9AV42	RSH1		70,00		
9			9AV40	RSH1		70,00		
10			9AV38	RSH1		70,00		
11			9AV36	RSH1		70,00		
12			9AV34	RSH1		70,00		
13			9AV32	RSH1		70,00		
14			9AV30	RSH1		70,00		
15			9AV28	RSH1		70,00		
16			9AV26	RSH5		105,00		